

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng
2. Bà Bùi Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Đoàn Văn B tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng sống cũng khá hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông B không chăm lo vợ con, đi làm không đưa tiền để nuôi vợ con, ông B thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng bà và còn cờ bạc, bà đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng đã cho ông B cơ hội hàn gắn, đến nay ông B vẫn không thay đổi. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Văn B.

Về con chung: Có 04 con chung Đoàn Thị Hồng Kim, sinh năm 2001, Đoàn Thị Hồng Nhung, sinh năm 2006, Đoàn Thị Hồng Trân, sinh năm 2009 và Đoàn Thị Kim Cương, sinh năm 2019. Cháu Kim đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Cương bà H yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Riêng cháu Nhung, Trân, bà H cho các tự quyết định theo cha hay mẹ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Đoàn Văn B trình bày: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà H về quá trình dẫn đến kết hôn. Sau khi kết hôn, ông có nhậu nhẹt nhưng đã giảm bớt, còn vấn đề cờ bạc ông đã bỏ lâu rồi. Về tiền bạc ông bị chủ thầu không trả tiền nên không có tiền đưa cho vợ. Nay ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong Tòa án cho thời gian để hàn gắn.

Về con chung: Có 04 con chung Đoàn Thị Hồng Kim, sinh năm 2001, Đoàn Thị Hồng Nhung, sinh năm 2006, Đoàn Thị Hồng Trân, sinh năm 2009 và Đoàn Thị Kim Cương, sinh năm 2019. Cháu Kim đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Nếu tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu nuôi cháu Nhung và Trân, còn cháu Cương đồng ý để vợ nuôi, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà H kiên quyết ly hôn. Bà cho rằng từ khi Tòa án mời hòa giải ông B vẫn còn nhậu nhẹt, vẫn còn cờ bạc. Về phần tiền, ông B có đưa nhưng do bà giận và đã kiên quyết ly hôn nên không nhận tiền từ ông B. Về tài sản chung: Có căn nhà tình thương cất trên phần đất cha mẹ chồng, xe máy và một số đồ đạc trong nhà, bà tự thỏa thuận với ông B chưa yêu cầu giải quyết. Nếu sau này tranh chấp bà sẽ khởi kiện sau. Về nợ chung: Do chưa yêu cầu chia tài sản chung nên nợ bà chưa yêu cầu giải quyết, nếu sau này tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Tại phiên tòa: Ông B không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương vợ con. Về con chung: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu như biên bản hòa giải. Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất với bà H, vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết. Nếu sau này tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông B có mâu thuẫn trong hôn nhân không thể hàn gắn, bà H đã cho ông B nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông B không có biện pháp sửa đổi tích cực. Bà H kiên quyết ly hôn ông

B. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: 04 con chung Đoàn Thị Hồng Kim, sinh năm 2001, Đoàn Thị Hồng Nhung, sinh năm 2006, Đoàn Thị Hồng Trân, sinh năm 2009 và Đoàn Thị Kim Cương, sinh năm 2019. Cháu Kim đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Dựa theo nguyện vọng cháu Nhung và Trân có nguyện vọng sống cùng mẹ, đối với cháu Cương còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung Nhung, Trân và Cương cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H chưa yêu cầu nên ông B chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét. Nếu sau này tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn B do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B, do ông B có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà H cho rằng ông B không quan tâm chăm sóc vợ con, không đưa tiền để vợ nuôi con, ông B thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng vợ con và còn cờ bạc. Phía ông B cho rằng ông có nhậu nhẹt nhưng đã giảm bớt, còn cờ bạc ông đã bỏ từ lâu, về tiền bạc ông làm không nhiều tiền và còn bị giật nợ. Nay ông đã biết lỗi, hứa sẽ sửa đổi và ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Tòa án mời hòa giải đến nay ông B không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa, phía bà H cho rằng ông B không thay đổi, vẫn còn nhậu nhẹt, vẫn còn cờ bạc, Hội đồng xét xử đã động viên, phân tích và giải thích hậu quả của việc ly hôn cho nguyên đơn nghe. Tuy nhiên, phía nguyên đơn bà H cho rằng không còn tình cảm, vẫn kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ vợ chồng với ông B. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn B thống nhất có 04 con chung Đoàn Thị Hồng Kim, sinh năm 2001, Đoàn Thị Hồng Nhung, sinh năm 2006, Đoàn Thị Hồng Trân, sinh năm 2009 và Đoàn Thị Kim Cương, sinh năm 2019. Hiện các con đang sống chung với ông bà. Bà H có yêu cầu nuôi cháu Cương, phía ông B cũng đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện của ông B giao cháu Cương cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Còn phía cháu Nhung, Trân ông B có yêu cầu nuôi hai cháu nhưng tại biên bản lấy khai hai cháu Nhung, Trân có nguyện vọng sống cùng mẹ và bà H tôn trọng ý kiến hai con, nếu con theo bà, bà đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Nhung và Trân cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Kim đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Đoàn Văn B không ai có quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn B thống nhất chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn B thống nhất chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đoàn Văn B.

2. Về con chung: Giao các con chung Đoàn Thị Hồng Nhung, sinh năm 2006, Đoàn Thị Hồng Trân, sinh năm 2009 và Đoàn Thị Kim Cương, sinh năm 2019 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng Đoàn Thị Hồng Kim, sinh

năm 2001 đã trưởng thành không đặt vấn đề giải quyết. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Đoàn Văn B không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết. Nếu sau này tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0002120 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà H đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Thạnh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mỹ Á

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Tân Phú Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Á